

THÔNG BÁO
Kết quả kiểm tra, đánh giá, cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
(Kiểm tra ngày 27/02/2026)

Thực hiện Quyết định số 145/QĐ-SXD ngày 26/02/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng Gia Lai về việc tổ chức kiểm tra, đánh giá, cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; Sở Xây dựng Gia Lai thông báo kết quả như sau:

I. Kết quả kiểm tra cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe mô tô

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra			Kết quả	Lý do không đạt
				Môn phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTĐB	Thực hành lái xe trong hình		
1	Phạm Thị Hằng	18/10/1980	A1	7,5	23/25	80/100	Đạt	
2	Nguyễn Hồ Hoài Phúc	11/11/1998	A1	5,5	25/25	100/100	Đạt	
3	Võ Thị Thu Trang	01/10/1988	A1	7,5	25/25	100/100	Đạt	
4	Trần Quang Trí	16/10/1994	A1	6	24/25	95/100	Đạt	
5	Đỗ Thị Thanh Vi	30/5/1999	A1	7	23/25	100/100	Đạt	
6	Võ Thành An	09/02/1991	A1	5,5	24/25	95/100	Đạt	
7	Nguyễn Đình Đức Anh	29/11/2001	A1	5	24/25	100/100	Đạt	
8	Nguyễn Văn Hiến	12/3/1992	A1	5	25/25	100/100	Đạt	
9	Lê Đình Hòa	25/7/1996	A1	5	25/25	95/100	Đạt	
10	Nguyễn Minh Phúc	26/02/1996	A1	5,5	24/25	100/100	Đạt	
11	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	28/12/1991	A1	7,5	25/25	100/100	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra			Kết quả	Lý do không đạt
				Môn phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTĐB	Thực hành lái xe trong hình		
12	Đặng Quang Sơn	02/02/1981	A1	8	25/25	90/100	Đạt	
13	Thái Ngọc Vinh	20/10/1988	A1	5	24/25	100/100	Đạt	
14	Phạm Xuân Khả Vy	12/3/1999	A1	6,5	25/25	100/100	Đạt	
15	Nguyễn Văn Hy	10/01/1993	A1	6	25/25	100/100	Đạt	
16	Nguyễn Tấn Tài	12/7/1991	A1	5,5	21/25	100/100	Đạt	
17	Bùi Ngọc Thiện	17/5/1991	A1	5,5	25/25	100/100	Đạt	
18	Lê Quang Việt	10/11/1983	A1	6	25/25	100/100	Đạt	
19	Trần Duy Thiện	27/11/1989	A1	5,5	25/25	100/100	Đạt	
20	Trần Phước Thiện	12/10/1990	A1	7	23/25		Không đạt	Trắc nghiệm PLGTĐB trả lời sai câu điểm liệt
21	Nguyễn Duy Định	07/01/1990	A1	7	25/25	95/100	Đạt	
22	Nguyễn Ngọc Diệp	11/3/1981	A1	6	24/25	100/100	Đạt	
23	Nguyễn Thành Huy	06/12/1991	A1	6,5	25/25	100/100	Đạt	
24	Trần Thanh Bảo	10/01/1978	A1	6	25/25	100/100	Đạt	
25	Nguyễn Đức Bảo	19/4/1987	A1	7	25/25	100/100	Đạt	
26	Ngô Quang Định	29/5/1972	A1	6	25/25	100/100	Đạt	
27	Phạm Ngọc Huy	20/11/1994	A1	6,5	25/25	100/100	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra			Kết quả	Lý do không đạt
				Môn phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTĐB	Thực hành lái xe trong hình		
28	Trịnh Quốc Huy	09/12/1979	A1	6,5	23/25	95/100	Đạt	
29	Nguyễn Thúc Kỳ	07/6/1969	A1	Vắng	Vắng	Vắng		
30	Hà Thái Quang	20/02/1977	A1	7	25/25	100/100	Đạt	
31	Dương Công Tuấn	06/5/1981	A1	5,5	24/25	100/100	Đạt	
32	Huỳnh Đạt	01/01/1996	A	6,5	25/25	100/100	Đạt	
33	Đồng Vũ Luân	24/4/1979	A	6,5	24/25	95/100	Đạt	
34	Huỳnh Ngọc Linh	20/8/1984	A	6	25/25	95/100	Đạt	
35	Nguyễn Mạnh Thắng	17/5/1982	A	6,5	25/25	100/100	Đạt	
36	Bùi Thế Châu	06/8/1995	A	7	25/25	100/100	Đạt	
37	Nguyễn Đăng Hiếu	05/02/1991	A	7	25/25	100/100	Đạt	
38	Võ Đức Huy	28/8/1984	A	6,5	25/25	100/100	Đạt	
39	Nguyễn Văn Mến	28/12/1995	A	6	25/25	100/100	Đạt	
40	Phùng Hiền Na	24/02/1988	A	6,5	25/25	100/100	Đạt	
41	Nguyễn Hoàng Tuấn	24/11/1983	A	7,5	25/25	95/100	Đạt	
42	Ngô Minh Đệ	24/5/1973	A	6	25/25	95/100	Đạt	
43	Giản Tư Hòa	16/10/1975	A	5	25/25	95/100	Đạt	
44	Nguyễn Lê Thành Nhất	26/4/2007	A	5,5	22/25		Không đạt	Điểm trắc nghiệm PLGTĐB

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra			Kết quả	Lý do không đạt
				Môn phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTĐB	Thực hành lái xe trong hình		
								dưới 23
45	Phan Cương	10/5/1970	A	6	25/25	100/100	Đạt	
46	Hồ Minh Dương	30/3/1986	A	7	25/25	95/100	Đạt	
47	Chu Tiến Đạt	03/6/1983	A	7	24/25	95/100	Đạt	
48	Trần Nguyên Đức	26/10/2000	A	7	24/25	90/100	Đạt	
49	Mang Đức Hà	06/5/1988	A	7	25/25	100/100	Đạt	
50	Nguyễn Đình Hà	02/6/1985	A	7	24/25	95/100	Đạt	
51	Nguyễn Đức Hoài	02/02/1976	A	5,5	25/25	100/100	Đạt	
52	Hồ Hữu Hưng	12/4/1989	A	5	24/25	95/100	Đạt	
53	Huỳnh Võ Duy Khương	20/7/1990	A	6,5	24/25	95/100	Đạt	
54	Nguyễn Bá Phước	24/7/1981	A	5	24/25	95/100	Đạt	
55	Trần Ngọc Tài	02/10/1988	A	7	25/25	100/100	Đạt	
56	Nguyễn Bảo Thế	07/2/1983	A	7	25/25	100/100	Đạt	
57	Đặng Công Tín	10/3/1992	A	6,5	25/25	100/100	Đạt	
58	Chung Nguyễn Quỳnh Trang	01/01/1986	A	7	25/25	85/100	Đạt	
59	Đỗ Chí Trung	14/01/1969	A	7	25/25	100/100	Đạt	
60	Bùi Đức Tuấn	28/10/1978	A	5	25/25	100/100	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra			Kết quả	Lý do không đạt
				Môn phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTĐB	Thực hành lái xe trong hình		
61	Lê Nguyên Vũ	05/4/1980	A	7	25/25	100/100	Đạt	
62	Tô Nhật Tài	17/4/1990	A	7	25/25	100/100	Đạt	
63	Trần Hoài Vũ	25/8/1982	A	7	25/25	100/100	Đạt	

2. Kết quả kiểm tra cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe ô tô

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra				Kết quả	Lý do không đạt
				Phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe, phương pháp bảo hiểm tay lái trong thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTĐB	Thực hành lái xe trong hình	Thực hành bảo hiểm tay lái		
1	Phan Thanh Hào	16/8/1980	B	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
2	Nguyễn Hà Hưng Thịnh	23/01/1991	B	6,5	30/30	95/100	96/100	Đạt	
3	Trần Thị Thiệp	16/12/2000	B	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
4	Võ Song Hào	15/9/1982	B	6,5	30/30	75/100		Không đạt	Điểm thực hành lái xe trong hình dưới 80
5	Võ Nữ Thúy Liễu	26/11/1979	B	7	29/30	85/100	98/100	Đạt	
6	Nguyễn Văn Dũng	05/02/1986	B	7	28/30	85/100	96/100	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra				Kết quả	Lý do không đạt
				Phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe, phương pháp bảo hiểm tay lái trong thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTĐB	Thực hành lái xe trong hình	Thực hành bảo hiểm tay lái		
7	Nguyễn Đoàn Đức Huy	21/06/1995	B	6,5	28/30	75/100		Không đạt	Điểm thực hành lái xe trong hình dưới 80
8	Phạm Ngọc Sơn	28/10/1974	B	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
9	Đỗ Nguyễn Trung Nguyên	23/10/2003	C1	5	35/35	100/100	98/100	Đạt	
10	Nguyễn Thế Tín	05/5/1989	C1	6,5	34/35	90/90	96/100	Đạt	
11	Tạ Công Khoa	09/7/1976	C1	7	35/35	95/100	96/100	Đạt	
12	Lê Đông Nhựt	01/02/1999	C1	6,5	35/35	95/100	96/100	Đạt	
13	Mai Thị Như Nhiên	26/3/1999	C1	7	35/35	100/100	96/100	Đạt	
14	Nguyễn Thị Trâm Anh	26/8/1996	C1	7	33/35	78/100		Không đạt	Điểm thực hành lái xe trong hình dưới 80
15	Lê Nguyễn Việt Pháp	03/3/1991	C1	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
16	Hồ Minh Trí	06/02/1994	C1	5,5	35/35	95/100	98/100	Đạt	
17	Hà A Vỹ	20/10/1988	C1	6,5	35/35	100/100	98/100	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra				Kết quả	Lý do không đạt
				Phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe, phương pháp bảo hiểm tay lái trong thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTĐB	Thực hành lái xe trong hình	Thực hành bảo hiểm tay lái		
18	Bùi Thành Tuyền	09/09/2000	C1	6	33/35	75/100		Không đạt	Điểm thực hành lái xe trong hình dưới 80
19	Hoàng Ngọc Hải	06/01/1997	C1	6	34/35	75/100		Không đạt	Điểm thực hành lái xe trong hình dưới 80
20	Nguyễn Đức Hoàng	10/9/2001	C1	6	35/35	80/100	98/100	Đạt	
21	Nguyễn Hưng Phát	23/10/1997	C1	7	33/35	75/100		Không đạt	Điểm thực hành lái xe trong hình dưới 80
22	Phạm Đình Bảo	25/12/1983	C1	7	35/35	90/100	98/100	Đạt	
23	Lê Phùng Nho Đạo	13/09/1991	C1	5,5	34/35	75/100		Không đạt	Điểm thực hành lái xe trong hình dưới 80
24	Nguyễn Xuân Dương	14/04/1979	C1	6	35/35	95/100	96/100	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra				Kết quả	Lý do không đạt
				Phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe, phương pháp bảo hiểm tay lái trong thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTĐB	Thực hành lái xe trong hình	Thực hành bảo hiểm tay lái		
25	Nguyễn Văn Thành	26/04/1992	C1	6,5	35/35	95/100	94/100	Đạt	
26	Châu Lê Thịnh	18/11/1983	C1	6	32/35	90/100	98/100	Đạt	
27	Nguyễn Du	26/01/1988	C	6	40/40	90/100	100/100	Đạt	
28	Ngô Hiếu Nhân	16/6/1988	C	7	40/40	90/100	100/100	Đạt	
29	Hồ Thuật	19/8/1991	C	5,5	38/40	95/100	94/100	Đạt	
30	Nguyễn Xuân Cường	22/02/1992	C	5,5	39/40	75/100		Không đạt	Điểm thực hành lái xe trong hình dưới 80
31	Trương Quang Ân	30/5/1987	C	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
32	Trần Quang Khải	19/6/1993	C	5,5	37/40	79/100		Không đạt	Điểm thực hành lái xe trong hình dưới 80
33	Đặng Nguyễn Hoàng Minh	04/10/1989	D2	5,5	44/45	100/100	100/100	Đạt	
34	Lê Thanh Nghị	02/9/1991	D2	7	45/45	100/100	100/100	Đạt	
35	Huỳnh Nhật Tuấn	25/8/1976	D2	6,5	43/45	90/100	100/100	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra				Kết quả	Lý do không đạt
				Phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe, phương pháp bảo hiểm tay lái trong thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTĐB	Thực hành lái xe trong hình	Thực hành bảo hiểm tay lái		
36	Nguyễn Phú Thiện	24/01/1987	D2	6,5	45/45	100/100	100/100	Đạt	
37	Nguyễn Văn Thống	20/3/1981	D2	6	45/45	95/100	100/100	Đạt	
38	Trần Công Định	15/8/1989	D	5	45/45	95/100	100/100	Đạt	
39	Nguyễn Tấn Hợp	10/11/1988	D	7	45/45	99/100	100/100	Đạt	
40	Nguyễn Ngọc Huy	15/9/1988	D	7	45/45	90/100	100/100	Đạt	
41	Khổng Văn Mỹ	15/10/1985	D	7	45/45	100/100	100/100	Đạt	
42	Huỳnh Quang Sơn	19/9/1980	D	7,5	45/45	100/100	100/100	Đạt	
43	Nguyễn Công Trường	10/9/1985	D	5	45/45	100/100	100/100	Đạt	
44	Nguyễn Phi Trường	18/8/1983	D	7	44/45	99/100	100/100	Đạt	
45	Phạm Quang Dũng	07/8/1976	D	5,5	45/45	95/100	100/100	Đạt	
46	Nguyễn Mạnh Hùng	10/12/1978	D	6	45/45	79/100		Không đạt	Điểm thực hành lái xe trong hình dưới 80
47	Phạm Hoàng Việt	11/8/1983	D	7	45/45	100/100	100/100	Đạt	
48	Phan Quang Đích	12/4/1976	CE	7	45/45	100/100	100/100	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Hạng kiểm tra	Điểm kiểm tra				Kết quả	Lý do không đạt
				Phương pháp sư phạm, phương pháp thực hành lái xe, phương pháp bảo hiểm tay lái trong thực hành lái xe	Trắc nghiệm pháp luật GTĐB	Thực hành lái xe trong hình	Thực hành bảo hiểm tay lái		
49	Trần Quốc Dũng	08/12/1991	CE	7	45/45	100/100	100/100	Đạt	
50	Lang Trường Giang	30/12/1988	CE	7	45/45	100/100	100/100	Đạt	
51	Trần Xuân Hơn	05/8/1993	CE	7	45/45	100/100	100/100	Đạt	
52	Nguyễn Tam Huy	27/4/1989	CE	6,5	45/45	100/100	100/100	Đạt	
53	Nguyễn Hữu Tin	12/4/1985	CE	6,5	45/45	100/100	100/100	Đạt	
54	Nguyễn Đình Việt	07/5/1988	CE	6,5	44/45	100/100	100/100	Đạt	
55	Nguyễn Hoàng Nhật	06/12/1978	CE	6	43/45	100/100	100/100	Đạt	
56	Nguyễn Thanh Sơn	09/6/1989	CE	6,5	42/45	100/100	100/100	Đạt	
57	Nguyễn Trung Tín	28/12/1988	CE	6	45/45	100/100	100/100	Đạt	
58	Nguyễn Đức Vui	14/4/1992	A1, C1	6,5	35/35	95/100 100/100	96/100	Đạt	

Sở Xây dựng Gia Lai thông báo cho cơ sở đào tạo lái xe và các cá nhân được biết./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở;
- Các CSĐTLX;
- Các cá nhân có tên trên;
- VP Sở (Đăng Website);
- Lưu: VT, QLVT(NTS);



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Đình Sơn